TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ H** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA L NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ H, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Anh Tuấn

Ông Nguyễn Mạnh Tiến

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Mã Thị Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại Điểm cầu trung tâm của Tòa án nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng và tại Điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân huyện Đạ T, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Ánh T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, thị trấn Đạ T, huyện Đạ T, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Thôn 2, xã M, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Anh Chu Duy L, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã M, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại điểm cầu thành phần chị T có mặt, anh L vắng mặt tại các điểm cầu trung tâm và điểm cầu thành phần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12 tháng 5 năm 2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Ánh T (chị T) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Ánh T và anh Chu Duy L *(anh L)* tự nguyện tìm hiểu trước khi đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày 18/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn và có 01 con; thời gian gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng cũng hay xảy ra cãi vã.

Kể từ giữa tháng 8 năm 2022 cho đến nay, chị T và anh L sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân chị T xác định không còn tình cảm gì nữa với anh L nếu tiếp tục sống chung với nhau đó là sự khổ đau cho bản thân; mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Quá trình sống chung có 01 con chung là cháu Chu Khánh Vy, sinh ngày 10/12/2021. Hiện nay cháu Vy đang sống với anh L. Ly hôn chị T đồng ý giao cháu Vy cho anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về tài sản chung: Xác định không có tài sản chung, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Xác định không có nợ chung, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Chu Duy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến ly hôn như đơn khởi kiện và lời trình bày của chị T trong quá trình giải quyết vụ án là hoàn toàn đúng. Theo anh L mâu thuẫn vợ chồng là không lớn, tuy nhiên trường hợp chị T kiên quyết ly hôn thì anh L cũng chấp nhận ly hôn với chị T.

- Về con chung: Quá trình sống chung có 01 con chung là cháu Chu Khánh Vy, sinh ngày 10/12/2021. Hiện nay cháu Vy đang sống với anh L. Ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Xác định không có tài sản chung, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Xác định không có nợ chung, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhiều lần nhưng không thành nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kiên quyết xin ly hôn với anh L; ly hôn chị T đồng ý giao con cho anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nhưng để đảm bảo quyền lợi của con nên chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ *(ba triệu đồng);* các vấn đề khác như tài sản chung, nợ chung không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nguyên đơn, bị đơn đến Tòa tham gia phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của bị đơn.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian chung sống chị T và anh L xảy ra mâu thuẫn, kể từ tháng 8 năm 2022 đến nay không còn sống chung với nhau, trong thời gian vợ chồng sống ly thân các bên không quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa chị T và anh L không còn. Chị T yêu cầu xin ly hôn thì anh L cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

+ Về con chung: Giữa chị T và anh L có 01 con chung là cháu Chu Khánh Vy, sinh ngày 10/12/2021. Hiện nay con đang sống với anh L. Ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T đồng ý giao con cho anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao Chu Khánh Vy, sinh ngày 10/12/2021 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nhưng để đảm bảo quyền lợi của con nên chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ *(ba triệu đồng)*. Xét đây là ý chí tự nguyện của chị T là không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung: Chị T, anh L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị T, anh L xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị T khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về tố tụng.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ cho bị đơn anh L đến Tòa tham gia tố tụng. Anh L đã nhận được các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Chị T và anh L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày 18/7/2019, việc thực hiện đăng ký kết hôn của UBND xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ vào ngày 18/7/2019là đúng pháp luật. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L được xác lập là hợp pháp. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh L. Anh L có nơi cư trú tại xã M huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* và Tòa án nhân dân huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân thì thấy rằng: Sau khi kết hôn chị T, anh L chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn và có 01 con chung. Thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, các mối quan hệ gia đình và xã hội. Mặc dù cả hai đã cố gắng để hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể giải quyết được.

Kể từ giữa tháng 8 năm 2022 cho đến nay, chị T và anh L sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân chị T xác định không còn tình cảm gì nữa với anh L nếu tiếp tục sống chung với nhau đó là sự khổ đau cho bản thân; mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân căng thẳng không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn cho chị T được ly hôn với anh L là có cơ sở, phù hợp với thực tế.

[3.2] Về con chung: Theo giấy khai sinh *(bản sao)* của Ủy ban nhân dân thị trấn Đạ T, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng thể hiện họ tên cháu Chu Khánh Vy, sinh ngày 10/12/2021 có họ tên người mẹ Trương Thị Ánh T, họ tên người cha Chu Duy L. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định cháu Vy là con chung của chị T và anh L.

Xét yêu cầu nuôi con của anh L thì thấy rằng: Hiện nay cháu Vy đang sống với anh L. Ly hôn anh L có nguyện vọng được nuôi cháu Vy cho đến khi thành niên và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Trong khi đó khi ly hôn chị T đồng ý giao con cho anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do vậy, giao cháu Vy cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi của con chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ *(ba triệu đồng)*. Xét đây là ý chí tự nguyện của chị T là không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] Về tài sản chung: Chị T, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3.5] Về nợ chung: Chị T, anh L xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.6] Về án phí: Chị T khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ánh T đối với anh Chu Duy L về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ánh T được ly hôn với anh Chu Duy L. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 18/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đông Thắng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Khánh Vy, sinh ngày 10/12/2021 cho anh Chu Duy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trương Thị Ánh T về việc cấp dưỡng nuôi con (cháu Chu Khánh Vy) mỗi tháng là 3.000.000đ *(ba triệu đồng).* Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

"Chị Trương Thị Ánh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con nhưng lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào trình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật".

4. Về án phí: Chị Trương Thị Ánh T phải chịu nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu nộp 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011124 ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng, chị T còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Ánh T có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Chu Duy L vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đạ H (03);
- Chi cục THADS huyện Đạ H (02);
- UBND xã Đông Thắng, h. Cờ Đỏ (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Án văn (03);

Nguyễn Văn Lập